

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DX
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 48/2020/HSST

Ngày 11/12/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DX- TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Tuấn và ông Lê Chính Đông

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân- Thư ký tòa án nhân dân huyện DX.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện DX tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà- Kiểm sát viên Viện kiểm sát N dân huyện DX.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Đặng Tạ Thành V, sinh năm 1996.

Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn TA, xã DN, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 10/12. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đặng Văn Thanh, sinh năm 1973 và bà Tạ Thị Hiệp, sinh năm 1973; vợ: Ông Thị Bích Nhi và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án và tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/02/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: Võ Thanh T, sinh năm 1994.

Nơi sinh và cư trú: Thôn TA, xã DN, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Võ Thanh Hùng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hiệp, sinh năm 1954; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án và tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/02/2020 cho đến ngày 25/9/2020 thì được cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo: Phạm Quốc T1, sinh năm 1993.

Nơi sinh và cư trú: Thôn TA, xã DN, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Nông. Trình độ học vấn: 10/12. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh.
Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam.

Con bà Phạm Thị Liên, sinh năm 1953; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án và tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/02/2020 cho đến ngày 25/9/2020 thì được cho
bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1998. Có mặt.

Trú tại: Thôn TT, xã DH, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Tạ Quốc L1 (tên gọi khác cu Rôm), sinh năm 1998. Có mặt.

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 2001. Có mặt.

Anh Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 29/10/2002. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn TA, xã DN, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1987. Có mặt.

Trú tại: Thôn AL, xã DH, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1968. Có mặt.

Bà Phan Thị Thùy N1, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn TT, xã DH, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh L tại phiên tòa,
nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 01/2018, anh Nguyễn Hữu L có thỏa thuận vay của bị
cáo Đặng Tạ Thành V số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 30% trong thời hạn 01
tháng. Sau đó, bị cáo V trừ số tiền thanh toán lãi trước là 30.000.000 đồng, chỉ đưa
cho anh L số tiền 70.000.000 đồng. Sau khi đến hạn trả gốc, anh L không có khả năng
trả nên khoảng 08 tháng sau, anh L và bị cáo V thỏa thuận trả nợ số tiền 150.000.000
đồng (trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng và nợ lãi 80.000.000 đồng), tuy nhiên, nếu trả
sớm sẽ giảm bớt số tiền 20.000.000 đồng. Vào tháng 04/2019, anh L trả cho bị cáo V
số tiền 130.000.000 đồng và xóa nợ.

Đến tháng 7/2019, bị cáo Đặng Tạ Thành V cho rằng anh L có mượn bị cáo V
số tiền 3.000.000 đồng và yêu cầu anh L trả nhưng anh L không thừa nhận nên giữa
hai người phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, bị cáo Đặng Tạ Thành V yêu cầu anh L phải
trả cho mình số tiền 10.000.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 3.000.000 đồng, nợ lãi là
2.000.000 đồng và tiền phạt chậm trả và có thái độ trốn tránh là 5.000.000 đồng).
Cùng lúc này, có bà Phạm Thị H có nhờ bị cáo V đòi anh Nguyễn Hữu L trả số tiền
35.000.000 đồng mà anh L đã vay của bà H trước đó và thỏa thuận sẽ chia đôi số tiền
trên nếu bị cáo V đòi được tiền. Đầu tháng 2/2020, bị cáo Đặng Tạ Thành V liên tục

nhắn tin Facebook cho anh Nguyễn Hữu L với nội dung chửi bới, hăm dọa, đòi đánh anh Nguyễn Hữu L và mẹ của anh L để uy hiếp, buộc anh L trả cho V số tiền 45.000.000 đồng.

Ngày 04/02/2020, Đặng Tạ Thành V sử dụng Facebook “Thành V” nhắn tin Messenger vào Facebook “Thanh T” cho bị cáo Võ Thanh T với nội dung rủ đi đòi nợ thuê cho bà H 35.000.000 đồng, nếu được thì đưa bà H 15.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng thì chia cho những người tham gia đòi nợ.

Sau đó, bị cáo V cùng với bị cáo Võ Thanh T và Tạ Quốc L1, anh Nguyễn Văn L đến nhà vợ của anh Nguyễn Hữu L ở xã Bình Dương, huyện Thăng Bình tìm anh Nguyễn Hữu L đòi nợ nhưng không gặp anh Nguyễn Hữu L. Đến ngày 05/02/2020, bị cáo V cùng với anh L1 đến nhà bà Đỗ Thị M ở thôn TT, xã DH và trường THCS Ngô Quyền tìm bà M đòi nợ nhưng không gặp. Ngày 08/02/2020, bị cáo V tiếp tục nhắn tin qua Facebook cho bị cáo T với nội dung rủ xuống nhà anh Nguyễn Hữu L lấy 45.000.000 đồng tiền nợ về chia nhau, nhưng anh T bận nên không tham gia và cũng chưa lấy được tiền.

Đến ngày 10/02/2020, bị cáo V hẹn gặp anh Nguyễn Hữu L ở quán café Bon (xã DN) để lấy tiền. Vào khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, anh Nguyễn Hữu L mang theo số tiền 10.000.000 đồng đến quán café chờ gặp bị cáo V nhưng lúc này bị cáo V đang ở thành phố Đà Nẵng nên bị cáo V nhắn tin Facebook cho bị cáo Võ Thanh T và bị cáo Phạm Quốc T1 đến quán café Bon để không chế bắt anh L đưa lên xe để chở đến quán Bờ Kè gặp bị cáo V đòi nợ. Bị cáo Phạm Quốc T1 biết bị cáo T và V rủ đi bắt anh Nguyễn Hữu L để đòi nợ (*do trước đó bị cáo V nhiều lần đăng nội dung anh L nợ tiền mình không trả trên trang Facebook cá N*) nhưng bị cáo T1 vẫn đồng ý tham gia. Bị cáo Võ Thanh T điều khiển xe mô tô BKS 92F1-252.51 chở bị cáo Phạm Quốc T1 đến quán café Bon yêu cầu anh L đến quán café Bờ Kè nhưng anh L không đồng ý. Lúc này, bị cáo T1 và T lôi anh L đi ra ngoài, tay trái của bị cáo T1 kẹp vào nách của anh L, tay phải của T1 Tm cổ áo bên phải của anh L; còn bị cáo T cũng kẹp nách trái của anh L và Tm cổ áo bên trái của anh L, rồi kéo anh L đi ra ngoài đường đưa lên xe mô tô. Bị cáo T ngồi phía trước, anh L ngồi giữa còn bị cáo T1 ngồi phía sau giữ chặt anh L. Khi bị cáo T chuẩn bị điều khiển xe chở anh L đi thì bị tổ công tác Công an huyện DX phát hiện bắt quả tang.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSDX ngày 07/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện DX truy tố bị cáo Đặng Tạ Thành V, bị cáo Võ Thanh T và bị cáo Phạm Quốc T1 về tội: “Cưỡng đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Tạ Thành V từ 12 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 10 tháng 02 năm 2020).

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc T1 từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 BLTTHS để tuyên tịch thu sung công quỹ :

- 01 xe mô tô BKS 92F1-252.51.
- 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max màu vàng.
- 01 điện thoại di động Iphone 8 màu vàng.
- 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng đồng.

Các bị cáo nói lời sau cùng thể hiện sự ăn năn, hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Phân tích những chứng cứ xác định có tội:*

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, hiện trường và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định:

Đầu tháng 2/2020, Đặng Tạ Thành V đã nhiều lần nhắn tin Facebook cho anh Nguyễn Hữu L với nội dung chửi bới, hăm dọa, đòi đánh anh L và mẹ của anh L, để uy hiếp anh L buộc anh L phải trả cho V số tiền 45.000.000 đồng. Chiều ngày 10/02/2020, anh Nguyễn Hữu L có hẹn và mang theo số tiền 10.000.000 đồng đến quán café Bon ở thôn Hội Sơn, xã DN để trả cho V. Khi anh L đến quán café Bon đợi gặp V thì V nhắn tin qua Facebook cho Võ Thanh T và Phạm Quốc T1 không chế bắt anh L đưa lên xe mô tô BKS 92F1-252.51 để đưa đi gặp V đòi nợ thì bị tổ công tác Công an huyện DX bắt quả tang.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết L hành vi của các bị cáo Đặng Tạ Thành V, Võ Thanh T, Phạm Quốc T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[2] *Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và N thân của các bị cáo:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, Hng mang lo sợ cho quần chúng nhân dân. Trong vụ án này, bị cáo Đặng Tạ Thành V là người có vai trò chủ mưu, rủ rê, bị cáo Võ Thanh T, Phạm Quốc T1 có vai trò giúp sức. Hành vi phạm tội giữa các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn, chưa có sự phân công, bàn bạc cụ thể vai trò của từng người. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để nhắc nhở, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Bị cáo Đặng Tạ Thành V với vai trò là người chủ mưu, nên cần phải cách ly bị cáo V ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục.

Đối với bị cáo T và bị cáo T1 có vai trò thứ yếu, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T và bị cáo T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa người bị hại có yêu cầu xin được giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo T và T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, Bị cáo Võ Thanh T có cha ruột là ông Võ Thanh Hùng được nhà nước tặng Huân Chương kháng chiến, có bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng. Bị cáo Phạm Quốc T1 có gia đình có công với cách mạng nên được áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS để xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật.

[3] Về xử lý vật chứng: Vật chứng hiện đang tạm giữ: 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max màu vàng; 01 điện thoại di động Iphone 8 màu vàng; 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng đồng là tài sản công cụ các bị cáo liên lạc, sử dụng cho việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu sung công quỹ. Riêng đối với xe mô tô BKS 92F1-252.51 của bị cáo Võ Thanh T, bị cáo T nguyện vọng xin nhận lại xe. Mặc dù bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, sử dụng xe mô tô BKS 92F1-252.51 là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình và được Ủy ban N dân xã DN xác nhận; hành vi phạm tội của bị cáo có vai trò giúp sức, nhưng bị cáo dùng xe để chở bị cáo T1 và đưa bị hại lên xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Đối với bà Phạm Thị H chỉ thỏa thuận với Đặng Tạ Thành V về việc đòi nợ anh Nguyễn Hữu L số tiền 35.000.000 đồng rồi về chia đôi. Còn V thực hiện hành vi chửi bới, hăm dọa khống chế anh L để đòi nợ thì bà H không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với H là phù hợp.

Theo lời khai của Nguyễn Ngọc N và Đặng Tạ Thành V: Khoảng tháng 3 - 4/2019, V điện thoại cho N nói: *“Em chạy xuống nhà L thôn TT, xã DH rồi L đưa cho em 2.000.000 đồng về đưa cho anh”*, N chạy xuống gặp anh L thì anh L đưa cho N 2.000.000 đồng (*để trả số tiền mà V cho anh L vay*) và N đem tiền về đưa lại cho V. Do V chỉ nhờ N đi xuống nhà anh Nguyễn Hữu L ở xã DH lấy tiền giúp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với N là phù hợp.

Đối với Tạ Quốc L1, Nguyễn Văn L là những đối tượng có tham gia đi đòi nợ với V theo lời khai của V. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng các đối tượng hiện nay đã đi khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hồ sơ để tiếp tục xác minh xử lý sau. Tuy nhiên, tại phiên tòa Tạ Quốc L1 có mặt, nhưng qua xét hỏi thì hành vi của L1 không cấu thành tội phạm.

[5] Đối với hành vi cho vay của Đặng Tạ Thành V: Đầu tháng 01/2018, bị cáo Đặng Tạ Thành V thỏa thuận cho Nguyễn Hữu L vay số tiền 100.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng với lãi suất 30% và đã thanh toán trước tiền lãi là 30.000.000 đồng, số tiền còn lại anh L nhận từ bị cáo V là 70.000.000 đồng và đến tháng 04/2019, anh L trả cho bị cáo V số tiền 130.000.000 đồng. Như vậy, hai bên đã thỏa thuận với nhau tại thời

điểm cho vay với lãi suất là 30%/tháng, gấp 18 lần mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bị cáo V, T và T1 là những người không có thẩm quyền bắt anh Nguyễn Hữu L. Tuy nhiên, bị cáo V đã điện thoại, yêu cầu bị cáo T và T1 bắt giữ và đưa anh L từ quán café Bon sang quán café Bờ Kè để gặp bị cáo V nhằm mục đích buộc anh L trả cho bị cáo V số tiền 10.000.000 đồng như đã thỏa thuận giữa đôi bên. Bị cáo T1 và T đã có hành vi dùng vũ lực không chế và cưỡng ép anh L, bắt anh L đi ra ngoài đường và đưa lên xe mô tô trái với ý chí của anh L, Hành vi này có dấu hiệu về tội: “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tòa án nhân dân huyện DX đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 27/2020/HSST-QĐ ngày 30 tháng 9 năm 2020 cho Viện Kiểm sát nhân dân huyện DX để điều tra làm rõ tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân huyện DX vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh của các bị cáo. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 298 BLTTHS giới hạn của việc xét xử, Tòa án chỉ xét xử các bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố tại Bản cáo trạng và được xem là tình tiết trong vụ án.

[6] Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Hữu L về việc tính lại tiền lãi, lãi suất cho vay theo quy định của pháp luật về số tiền bị cáo Đặng Tạ Thành V đã cho anh L vay là 100.000.000 đồng sẽ được tách ra, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi anh Nguyễn Hữu L có yêu cầu.

[7] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện DX, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Đặng Tạ Thành V, Võ Thanh T, Phạm Quốc T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Đặng Tạ Thành V, Võ Thanh T, Phạm Quốc T1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Tạ Thành V 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 10 tháng 02 năm 2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T 07 (bảy) tháng, 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam (Từ 10/02/2020 đến 25/9/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc T1 07 (bảy) tháng, 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam (Từ 10/02/2020 đến 25/9/2020).

- Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 BLTTHS

Tuyên tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max màu vàng; 01 điện thoại di động Iphone 8 màu vàng; 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng đồng.

- 01 xe mô tô BKS 92F1-252.51 của Võ Thanh T.

(Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DX).

Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Đặng Tạ Thành V, Võ Thanh T, Phạm Quốc T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để đề nghị Tòa án N dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện DX;
- Chi cục THADS huyện DX;
- Bị cáo, những người TGTĐ khác;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKS tỉnh Quảng Nam
- VP công an huyện DX;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc

